

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020

I. Thông tin chung (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Nhà trường cam kết tạo cho người học một môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, minh bạch, văn hoá và có tính chuyên nghiệp cao. Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và khả năng học tập suốt đời. Hợp tác, phát triển về đào tạo, nghiên cứu và thực hành với các cơ sở, theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế.

Phát huy thế mạnh của Trường về đào tạo các ngành Kỹ thuật y học, Điều dưỡng, Y khoa (Bác sĩ đa khoa) cam kết cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt chuẩn, đảm bảo nhanh chóng, tiện lợi và an toàn cho mọi người dân và cộng đồng.

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Trụ sở: Số 01 Vũ Hựu – Phường Thanh Bình, Tp. Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

Website: <http://www.hmtu.edu.vn>

2. Quy mô đào tạo

Stt	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I	Đại học chính qui								
	Y khoa						405		405
	Điều dưỡng						890		890
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học						487		487
	Kỹ thuật Hình ảnh y học						427		427
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng						289		289
II	Đại học vừa làm vừa học (Liên thông từ CĐ lên Đại học)								
	Điều dưỡng						110		110
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học						124		124
	Kỹ thuật Hình ảnh y học						47		47
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng						34		34

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 5 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 5 năm gần nhất: Xét tuyển từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia.

3.2. Điểm trúng tuyển của 5 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -5			Năm tuyển sinh -4			Năm tuyển sinh -3			Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI <i>Tổ hợp: Sinh, Toán, Hóa (B00)</i>															
- Y khoa (7720101)	50	53	25	50	61	24	50	99	26.50	50	65	21.90	60	80	23.25
- Điều dưỡng (7720301)	220	215	22.5	250	218	21	250	215	22.50	250	251	18.00	280	204	18.0
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học (7720601)	130	128	22.75	120	107	22.5	120	124	23.75	120	121	19.35	150	151	19.35
- Kỹ thuật hình ảnh y học (7720602)	70	72	22.5	120	88	21	120	110	22.00	120	124	18.00	120	121	18.0
- Kỹ thuật Phục hồi chức năng (7720603)	50	49	22.25	80	78	21	80	84	22.00	80	84	17.00	80	55	18.0
Tổng	520	517	×	620	552	×	620	632	×	620	645	×	690	611	x

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 87.954,6 m².
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 1168 sinh viên
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính qui: 22m²

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	135	12097
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	844
1.2.	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	16	1367
1.3.	Phòng học từ 50-100 chỗ	25	1825
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	06	230
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	01	135
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	85	7696
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	8	1362
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	145	7188
	Tổng	288	20647

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 62879 m²

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị; Cơ sở (bệnh viện) thực tập thực tế

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành
1.	Phòng thực hành Sinh học và Di truyền học	Kính hiển vi quang học	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo

2.	Phòng thực hành Giải phẫu 1,2,3,4	Các mô hình giải phẫu (mô hình xương, cơ, khớp, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh, giác quan), tranh giải phẫu, máy chiếu projector	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
3.	Phòng thực hành Giải phẫu 3D	Máy tính cài phần mềm trình chiếu 3D, Kính 3D, máy chiếu projector	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
4.	Phòng thực hành Xác	Xác người	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
5.	Phòng thực hành Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi, tiêu bản giải phẫu bệnh, máy chiếu projector	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
6.	Labo Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi, máy cắt bệnh phẩm, Tủ hóa chất, ...	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
7.	Phòng thực hành Mô	Kính hiển vi, tiêu bản Mô, máy chiếu projector	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
8.	Phòng TH Sinh lý – Sinh lý bệnh	Bộ dụng cụ mổ mổ, mổ ếch, tủ dụng cụ, các thiết bị phục vụ thực hành sinh lý máu,.....	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
9.	Phòng thực hành Xquang (Xương khớp 1, Xương khớp 2)	Máy X quang Shimadzu tăng sáng truyền hình	Kỹ thuật Hình ảnh y học
10.	Phòng thực hành chụp XQ (Sinh dục tiết niệu, chụp vú)	Máy chụp vú Mamography	Kỹ thuật Hình ảnh y học
11.	Phòng thực hành Xquang tiêu hóa	Máy X quang tổng hợp	Kỹ thuật Hình ảnh y học
12.	Phòng TH đo mật độ loãng xương	Máy X quang đo mật độ xương	Kỹ thuật Hình ảnh y học
13.	Phòng TH chụp xquang mô phỏng 1	Máy X Quang 300	Kỹ thuật Hình ảnh y học
14.	Phòng TH chụp xquang mô phỏng 2	Máy X Quang Gerenal	Kỹ thuật Hình ảnh y học

15.	Phòng thực hành chụp XQ răng hàm mặt (chụp Paranoma)	Máy chụp răng toàn cảnh SIRONA	Kỹ thuật Hình ảnh y học
16.	Phòng thực hành chụp CLVT đa dây (16 dây)	Máy chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner)	Kỹ thuật Hình ảnh y học
17.	Phòng thực hành siêu âm 1	Máy Siêu âm Voluson P8	Kỹ thuật Hình ảnh y học
18.	Phòng thực hành siêu âm 2	Máy siêu âm Voluson S8	Kỹ thuật Hình ảnh y học
19.	Phòng thực hành siêu âm 3	Máy siêu âm ALOKA 3500	Kỹ thuật Hình ảnh y học
20.	Phòng thực hành siêu âm 4	Máy siêu âm ALOKA 4000	Kỹ thuật Hình ảnh y học
21.	Phòng thực hành siêu âm 5	Máy siêu âm ALOKA 15000	Kỹ thuật Hình ảnh y học
22.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 1	Ròng rọc, giàn tập, thanh song song, đèn hồng ngoại toàn thân, tạ tập, mô hình giải phẫu, giường tập, các dụng cụ tập luyện vận động	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
23.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 2	Máy điều trị từ trường; máy kéo giãn cột sống cổ, thắt lưng; giường tập; xe lăn tay; tạ tập; Máy kích thích điện; Máy điều trị sóng ngắn	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
24.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 3	Máy điều trị sóng ngắn, máy điều trị siêu âm, máy điện phân – điện xung, giường tập, Đèn tử ngoại, Khung tập đi	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
25.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 4	Máy điều trị laser, máy điện trường cao áp, đèn tử ngoại, giường tập, ghế tập, các dụng cụ tập luyện ngôn ngữ trị liệu	Kỹ thuật Phục hồi chức năng

26.	Phòng thực hành Phục hồi chức năng 5	Giường tập, máy điều trị từ rung nhiệt, máy điều trị sóng xung kích, các dụng cụ tập vận động khớp vai, Xe đạp tập, Ghế mát xa, Hệ thống tuần hoàn nóng	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
27.	Phòng thực hành hoạt động trị liệu	Các dụng cụ Lượng giá Hoạt động trị liệu, giường, bàn ghế, tủ, bếp, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, các dụng cụ tập luyện Hoạt động trị liệu, Bộ công cụ đánh giá thị giác tri giác cho trẻ TVPE, Bộ công cụ đánh giá nhận thức DOTCA cho trẻ em, Bộ cung cụ lượng giá cảm giác.	Kỹ thuật Phục hồi chức năng
28.	Phòng thực hành đa năng 1,2: Thực hành điều dưỡng cơ bản	Giường, cáng, xe tiêm, phương tiện băng cố định bất động xương, mô hình chăm sóc, máy theo dõi máy điện tim...máy hút, bơm tiêm điện... mô hình thực hiện các thủ thuật điều dưỡng cơ bản và chăm sóc đa năng: nội ngoại, sản, nhi, mô hình cấp cứu ban đầu	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
29.	Phòng thực hành đa năng 3,4,5: Thăm khám, chăm sóc và thủ thuật	Giường đa năng, Projector, mô hình thăm khám, mô hình thực hiện các thủ thuật: chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi, màng tim..., các mô hình chăm sóc đa năng: nội ngoại, sản, nhi	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
30.	Phòng thực hành giao tiếp:	Giường, bàn, camera, máy quay và truyền thông tin...	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo

31.	Phòng thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn	Lab rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa, máy hấp uớt, máy sấy khô...	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
32.	Phòng thực hành gây mê hồi sức	Máy gây mê, máy thở, máy monitor, bơm tiêm điện, bàn mổ, đèn mổ, mô hình đặt ống NKQ, mô hình đặt mask thanh quản, máy hút, máy tạo ôxy, mô hình chọc dò tủy sống, mô hình chọc dò đám rối TKCT... các phương tiện dụng cụ cho phẫu thuật	Điều dưỡng, Y khoa
33.	Phòng ICU	Giường đa năng, máy theo dõi monitor, máy thở, bơm tiêm điện, máy hút, máy truyền dịch, mô hình chăm sóc toàn diện...	Điều dưỡng, Y khoa
34.	Phòng mô phỏng sản nhi	Bàn khám sản, dụng cụ khám phụ khoa, bộ nong cổ tử cung, nạo hút thai, thước đo buồng tử cung, đặt dụng cụ thử cung, bộ tiểu phẫu, máy soi cổ tử cung kết nối vi tính, Các mô hình mô phỏng chăm sóc sản nhi và các trang thiết bị đi kèm	Điều dưỡng, Y khoa
35.	Phòng thăm khám và chăm sóc đa năng	Giường đa năng, các mô hình chăm sóc và thăm khám toàn diện: người lớn, người già, trẻ em, trẻ sơ sinh, sản phụ...	Điều dưỡng, Y khoa
36.	Phòng mô phỏng thăm khám toàn diện người lớn	Mô hình mô phỏng và các trang thiết bị đi kèm, mô hình nghe tim phổi mô phỏng	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo

37.	Phòng thực hành phẫu thuật thực hành	Giường đa năng, projector, bàn mổ súc vật, các bộ dụng cụ phẫu thuật, mô hình khâu vết thương.	Điều dưỡng, Y khoa
38.	Phòng thực hành Hóa	Máy đo pH để bàn Hanna, Cân điện tử, Bể cách thủy, Buret các loại.	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
39.	Phòng thực hành Lý sinh	Kính hiển vi điện tử	Y khoa
40.	Phòng thực hành Tin học	Máy tính, Máy in, Máy chiếu projector, Switch ...	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
41.	Phòng thực hành tiếng	Máy tính, Tai nghe, Phần mềm	Sử dụng chung cho các ngành đào tạo
42.	Phòng thực hành Răng hàm mặt	Bộ dụng cụ khám Răng, Bộ dụng cụ hàn răng, Bộ dụng cụ nhổ răng, Bộ dụng cụ điều trị tủy, Máy khoan di động, Mẫu hàm, nôi hấp.	Điều dưỡng, Y khoa
43.	Labo Dinh dưỡng – Tiết chế	Đo lớp mỡ dưới da, Máy đo nồng độ Gluco, Lò vi sóng, Máy sấy bát đĩa, Tủ lạnh, Nồi cơm điện, Máy sấy hoa quả, Máy ép hoa quả, Bếp ga, bình ga, cân, xoong, nồi, chảo	Điều dưỡng, Y khoa
44.	Phòng thực hành sức khỏe môi trường – sức khỏe nghề nghiệp.	Máy đo ánh sáng, Máy đo độ ồn, Máy đo tốc độ gió, Thiết bị xét nghiệm nhanh nước thải và nước sinh hoạt, Máy đo độ bụi, Máy đo hơi khí độc.	Điều dưỡng, Y khoa

45.	Phòng thực hành tế bào mô bệnh học	Máy làm lạnh, máy cắt lạnh, máy đúc bệnh phẩm, máy chuyển mô, máy hơi lam kính, tủ hút độc, máy nhuộm tiêu bản, kính hiển vi kết nối màn hình, kính hiển vi quang học,...	Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y khoa
46.	Phòng thực hành Sinh học phân tử	Hệ thống máy Realtime PCR Eppendorf, Máy PCR Biorad, Máy chụp gel Biorad, máy khuếch đại gen, hệ thống điện di Biorad, Bể điện di mẫu, Máy khuấy từ gia nhiệt, Máy ủ nhiệt khô Block heater - SBH 130D, Hệ thống chụp hình và phân tích gel, Máy ly tâm 80 - 2A, Máy ly tâm lạnh, Máy lắc Analog VortexMixer, Máy đồng nhất mẫu PT Polytron 1200E, tủ hút vô trùng, tủ an toàn sinh học, ...	Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y khoa
47.	Phòng thực hành Hóa sinh 1,2,3	Máy hóa sinh tự động và bán tự động, máy miễn dịch tự động, máy xét nghiệm nước tiểu, máy phân tích khí máu, máy điện giải, tủ lạnh, máy cất nước, máy Hb, máy ly tâm các loại...	Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y khoa

48.	Labo Xét nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm	Máy làm đá vảy, Các loại máy li tâm, máy nghiền mẫu, máy đo PH, máy lắc, máy khuấy từ gia nhiệt, máy phân tích nước, máy đo độ nhớt cơ, máy lọc nước, Máy điện di mật độ kế, máy chuyển hóa năng nưòng, máy cất nước, máy phá mẫu bằng vi sóng, máy cô mẫu, tủ nuôi cấy, Hệ thống quang phổ hấp thụ, hệ thống hấp thụ nguyên tử, các loại cân, Ccc loại tủ lạnh (tủ âm sâu), ...	Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y khoa
49.	Phòng thực hành Huyết học Truyền máu 1,2,3	Máy đếm tế bào tự động, Máy đếm bán tự động, Máy định danh nhóm máu, Máy đông máu tự động, bán tự động; Máy đo tốc độ máu lắng, Kính hiển vi kết nối màn hình, kính hiển vi thường, máy li tâm, tủ ẩm, nồi cách thủy, máy lắc tiểu cầu, tủ trữ máu,...	Kỹ thuật xét nghiệm y học
50.	Phòng thực hành Vi sinh 1,2,3	Dàn ELISA, Tủ an toàn sinh học, tủ nuôi cấy vi sinh, nồi hấp, tủ ẩm, tủ sấy, tủ Clean Beach, tủ CO2, máy đo pH, Kính hiển vi thường và KHV kết nối màn hình, máy Votex...	Kỹ thuật xét nghiệm y học
51.	Phòng thực hành Ký sinh trùng 1,2,3	Tủ ẩm, tủ sấy, tủ nuôi cấy, nồi hấp tiệt trùng, kính hiển vi kết nối màn hình, tủ an toàn sinh học...	Kỹ thuật xét nghiệm y học
52.	Phòng thực hành Dược lý		Y khoa, Điều dưỡng

- Bệnh viện thực hành chính:

+ Bệnh viện trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

+ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương

+ Bệnh viện 7 – Quân khu 3

+ Các bệnh viện chuyên khoa:

▪ Bệnh viện Phụ Sản – Tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện Nhi – Tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện Y học cổ truyền– Tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện Phổi– Tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện Tâm thần– Tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện Mắt – Da liễu Tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương.

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hải Dương

+ Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương

+ Các đơn vị y tế tuyến Huyện -Tỉnh Hải Dương

▪ Bệnh viện đa khoa Hòa Bình

▪ Trung tâm Y tế Thành phố Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế huyện Kim Thành - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế Thị xã Kinh Môn - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế huyện Nam Sách - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ - Hải Dương

▪ Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà – Hải Dương

- Cơ sở thực tập - thực tế tốt nghiệp:

+ Tuyển trung ương:

▪ Bệnh viện Hữu nghị

▪ Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

▪ Bệnh viện Bạch Mai

▪ Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển Uông Bí

▪ Bệnh viện E

▪ Bệnh viện K

▪ Bệnh viện Phổi Trung ương

▪ Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

- Bệnh viện 198 – Bộ Công An
- Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Trung ương
- +Tuyên tỉnh – thành phố
- Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp – Hải Phòng
- Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên
- Bệnh viện Xanh Pôn – Hà Nội
- Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
- Bệnh viện Phục hồi chức năng Hà Nội
- Bệnh viện Ung bướu Hà Nội.

1.3. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	7986 đầu sách (52.167 quyển)

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu

(Xem phụ lục 01 kèm theo)

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

(Xem phụ lục 02 kèm theo)

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. Tuyển sinh chính quy

1.1. Đối tượng tuyển sinh:

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT). Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh:

Trường tuyển sinh trong cả nước.

1.3. Phương thức tuyển sinh:

Trường áp dụng hình thức xét tuyển dựa trên kết quả thi Trung học phổ thông năm 2020 theo từng ngành học.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7720101	Y khoa	964/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2013	2019
2	7720301	Điều dưỡng	964/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2019
3	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	964/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2019
4	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	964/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2019
5	7720603	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	964/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2008	2019

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành

TT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến) xét KQ thi THPT	Tổ hợp môn	Mã tổ hợp
1	7720101	Y khoa (Bác sĩ đa khoa)	60	Toán, Hóa, Sinh	B00
2	7720301B	Điều dưỡng (Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng Nha khoa, Điều dưỡng Sản phụ khoa, Điều dưỡng Gây mê hồi sức)	230	Toán, Hóa, Sinh	B00
3	7720301A	Điều dưỡng (Điều dưỡng đa khoa, Điều dưỡng Nha khoa, Điều dưỡng Sản phụ khoa, Điều dưỡng Gây mê hồi sức)	50	Toán, Sinh, Anh	B08
4	7720601A	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	20	Toán, Lý, Hóa	A00
5	7720601B	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	120	Toán, Hóa, Sinh	B00
6	7720602A	Kỹ thuật hình ảnh y học	20	Toán, Lý, Hóa	A00
7	7720602B	Kỹ thuật hình ảnh y học	100	Toán, Hóa, Sinh	B00
8	7720603A	Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu)	20	Toán, Lý, Hóa	A00
9	7720603B	Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Vật lý trị liệu, Hoạt động trị liệu)	70	Toán, Hóa, Sinh	B00

Trường áp dụng hình thức xét tuyển dựa trên kết quả thi Trung học phổ thông năm 2020 theo các tổ hợp sau. B00, B08 và A00

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:

*) Đối với Học sinh đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT để xét:

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Tham gia kỳ thi trung học phổ thông năm 2020. Đã đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT để xét tuyển Đại học.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Trường sẽ công bố sau khi có kết quả xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

*) Đối với Học sinh đã học bổ sung kiến thức dự bị đại học năm học 2019-2020 phải có học lực lớp 10,11,12 xếp loại Giỏi trở lên và năm học bổ sung kiến thức dự bị đại học có điểm trung bình trung ba môn Toán, Hóa, Sinh từ 8.0 trở lên đối với ngành Y khoa; xếp loại Khá trở lên và năm học bổ sung kiến thức dự bị đại học có điểm trung bình trung ba môn Toán, Hóa, Sinh từ 6.5 trở lên đối với các ngành còn lại.

*) Những học sinh được xét tuyển thẳng vào trường theo khoản 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo phải có học lực lớp 10,11,12 xếp loại Giỏi trở lên đối với ngành Y khoa, xếp loại Khá trở lên đối với các ngành còn lại.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Mã trường:DKY

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển (như bảng phần 1.4 trên)

- Nguyên tắc xét tuyển: Trường áp dụng hình thức xét tuyển dựa trên kết quả thi Trung học phổ thông năm 2020.

+ Thí sinh được đăng ký xét tuyển không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất)

+ Đối với từng ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

+ Với mỗi thí sinh nếu đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành trong trường thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên các nguyện vọng; Thí sinh chỉ trúng tuyển một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

+ Điểm trúng tuyển được tính riêng cho từng ngành (xét điểm từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu).

Điều kiện phụ trong xét tuyển: đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh theo thứ tự đăng ký nguyện vọng:

+ Với tổ hợp B00 (môn Toán học, Hóa học, Sinh học): Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Với tổ hợp A00 (môn Toán học, Hóa học, Vật lý): Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Vật lý.

+ Với tổ hợp B08 (môn Toán học, Sinh học, Anh văn): Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Anh văn, ưu tiên 4: môn Toán học.

*) Trường không sử dụng kết quả miễn thi THPT năm 2020 đối với môn tiếng Anh, không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển sinh năm 2020.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

Tuyển sinh chính quy: Xét tuyển kết quả thi trung học phổ thông năm 2020 theo lịch chung của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại điểm thu nhận hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo dự kiến theo lịch đăng ký dự thi kỳ thi tốt nghiệp THPT khoảng từ 15/6/2020 đến 30/6/2020.

Thí sinh có nhu cầu thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT: Mỗi thí sinh chỉ được điều chỉnh ĐKXT 01 lần trong thời gian quy định và chỉ được sử dụng một trong hai phương thức: trực tuyến hoặc bằng Phiếu ĐKXT.

Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến: Dự kiến từ ngày 09/9/2020 đến 17 giờ 00 ngày 16/9/2020.

Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng Phiếu ĐKXT tại điểm thu nhận hồ sơ: dự kiến từ ngày 09/9/2020 đến 17 giờ 00 ngày 18/9/2020.

Công bố kết quả trúng tuyển đợt 1: Dự kiến trước 17 giờ 00 ngày 27/9/2020.

Nộp xác nhận nhập học (của các thí sinh trúng tuyển đợt 1): Gửi bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 đến Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (Số 01 Vũ Hựu – Phường Thanh Bình, Tp. Hải Dương – Tỉnh Hải Dương) trước 17 giờ 00 ngày 03/10/2020.

Nhập học: Từ 8 giờ 00 đến 16 giờ 00 ngày 03/10/2020 tại Khu giảng đường Thư viện - Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (Số 01 Vũ Hựu – Phường Thanh Bình, Tp. Hải Dương – Tỉnh Hải Dương)

1.8. Chính sách ưu tiên:

Theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện tuyển thẳng và điều kiện ưu tiên xét tuyển vào các ngành học:

STT	Ngành	Tiêu chí
1	Y khoa	Thí sinh đạt giải Olympic quốc tế các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh. Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh. Thí sinh đoạt từ giải nhì trở lên các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia;
2	Điều dưỡng	Thí sinh đạt giải Olympic quốc tế các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh.
3	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Thí sinh được triệu tập tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh.
4	Kỹ thuật hình ảnh y học	Thí sinh đoạt giải ba trở lên các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia;
5	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	

- Thí sinh tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật phù hợp với Khối ngành sức khỏe hoặc môn học có trong tổ hợp xét tuyển: Hội đồng tuyển sinh của trường sẽ xem xét từng dự án hoặc đề tài của thí sinh để tuyển thẳng, cụ thể:

+ Những thí sinh đạt giải cuộc thi Khoa học kỹ thuật Quốc tế: Xem xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành

+ Những thí sinh đạt giải cuộc thi Khoa học kỹ thuật Quốc gia: Xem xét tuyển thẳng vào các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

- Tổng số thí sinh tuyển thẳng không quá 10% mỗi ngành. Nếu số lượng đăng ký tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu mỗi chuyên ngành, Nhà Trường sẽ xét tiêu chí ưu tiên theo thứ tự sau:

+ Đối với những thí sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1 Theo thứ tự đạt giải; Ưu tiên 2 Điểm tổng kết 03 năm học THPT.

+ Đối với những thí sinh phải thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1 Tổng điểm Bài thi theo thứ tự tổ hợp xét tuyển của Trường; Ưu tiên 2 Điểm tổng kết 03 năm học THPT.

*) Ưu tiên xét tuyển (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2020, có kết quả thi THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định). Thí sinh đạt giải trong kỳ

thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn nằm trong tổ hợp xét tuyển của trường được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển: Đạt giải Nhất Cộng 4,0 điểm, Đạt giải Nhì Cộng 3,0 điểm, Đạt giải Ba Cộng 2,0 điểm.

1.9. Lệ phí xét tuyển: Theo quy định chung

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021

Nhà Trường thông báo mức thu học phí của sinh viên hệ chính quy theo quy định của chính phủ năm học 2020 – 2021 là: 1.430.000 đồng/tháng x 10 tháng/năm.

(Học phí theo tín chỉ khoảng 436.000 đồng/tín chỉ)

1.11. Các nội dung khác (Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung)

1.11.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

Sau khi xét tuyển đợt 1 (nếu còn chỉ tiêu)

1.11.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

Sau khi xét tuyển bổ sung đợt 1 (nếu còn chỉ tiêu).

1.12. Tình hình việc làm (thống kê cho 4 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Khóa học	Chỉ tiêu	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Số sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng (Số sinh viên có việc/Số sinh viên phản hồi)
Nhóm ngành VI	2011-2015	450	469	456	395/427 = 92.51%
	2012-2016	450	460	439	277/302 = 91.72%
	2013-2017	520	535	474	339/368 = 92.12%
	2014-2018	520	496	409	320/362 = 88.40%

1.13. Tài chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/ năm của trường (bao gồm nguồn kinh phí thường xuyên, kinh phí không thường xuyên, đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn thu sự nghiệp tại trường): 196624504087 đồng;

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/ năm của năm trước tuyển sinh: 13000000 đồng.

2. Tuyển sinh Liên thông vừa làm vừa học từ trình độ Cao đẳng lên Đại học

2.1. *Đối tượng tuyển sinh:* Cán bộ y tế đang làm việc tại các cơ sở đúng ngành đào tạo có bằng Cao đẳng y tế đúng ngành dự tuyển, có chứng chỉ hành nghề.

2.2. *Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trong toàn quốc

2.3. *Phương thức tuyển sinh:* Xét tuyển

Điểm xét tuyển dựa vào tổ hợp điểm của phần: Kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành và điểm ưu tiên.

1. Kiến thức cơ bản: Xét kết quả điểm trung bình chung học tập 3 năm THPT của 3 môn Toán – Hóa – Sinh.

2. Kiến thức cơ sở ngành: Xét điểm trung bình chung học phần Giải phẫu – Sinh lý của bậc đào tạo chính quy và liên thông trước đó.

3. Kiến thức chuyên ngành:

- Thí sinh xét tuyển vào ngành Điều dưỡng, phần kiến thức chuyên ngành sẽ xét điểm trung bình chung các học phần:

- + Điều dưỡng cơ bản
- + Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa
- + Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa
- + Chăm sóc sức khỏe phụ nữ - bà mẹ và trẻ em
- + Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Thí sinh xét tuyển vào ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học, phần kiến thức chuyên ngành sẽ xét điểm trung bình chung các học phần:

- + Vi sinh
- + Ký sinh trùng
- + Huyết học
- + Hóa sinh.

- Thí sinh xét tuyển vào ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học, phần kiến thức chuyên ngành sẽ xét điểm trung bình chung các học phần:

- + Xquang Xương khớp
- + Xquang tim phổi
- + Xquang bộ máy tiêu hoá
- + Xquang bộ máy sinh dục tiết niệu
- + Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính
- + Xquang sọ mặt.

- Thí sinh xét tuyển vào ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng, phần kiến thức chuyên ngành sẽ xét điểm trung bình chung các học phần:

- + Giải phẫu chức năng
- + Lượng giá chức năng
- + Vận động trị liệu
- + Phương thức vật lý trị liệu
- + Xoa bóp trị liệu
- + Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ thần kinh cơ
- + Bệnh lý và vật lý trị liệu bệnh hệ tim mạch - hô hấp
- + Bệnh lý và vật lý trị liệu hệ cơ xương.

2.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh:*

STT	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu VLVH (Dự kiến)	Số quyết định đào tạo Liên thông	Ngày tháng năm ban hành	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ quyết định	Năm bắt đầu đào tạo
1	7720301	Điều dưỡng	60	37/QĐ-ĐHKTYTHD	18/02/2009	Trường tự chủ quyết định	2009
2	7720601	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	30	37/QĐ-ĐHKTYTHD	18/02/2009	Trường tự chủ quyết định	2009
3	7720602	Kỹ thuật Hình ảnh y học	30	37/QĐ-ĐHKTYTHD	18/02/2009	Trường tự chủ quyết định	2009
4	7720603	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	20	37/QĐ-ĐHKTYTHD	18/02/2009	Trường tự chủ quyết định	2009

2.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

2.5.1. Đạt một trong các tiêu chí sau:

- + Học lực lớp 12 đạt loại khá
- + Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên
- + Tốt nghiệp THPT loại khá
- + Có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo (*Thời gian xác định thâm niên tính đến 30/6/2020*)
- +Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ Cao đẳng đạt loại khá trở lên

2.5.2. Có bằng Cao đẳng y tế đúng ngành dự thi, có chứng chỉ hành nghề, cụ thể:

* *Điều dưỡng*: Tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng.

* *Kỹ thuật Xét nghiệm y học*: Tốt nghiệp Cao đẳng Xét nghiệm y học hoặc tốt nghiệp Cao đẳng Xét nghiệm Y học dự phòng, Xét nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm (đã có chứng chỉ bổ sung một số học phần chuyên ngành xét nghiệm đa khoa).

* *Kỹ thuật hình ảnh y học*: Tốt nghiệp Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học

* *Kỹ thuật Phục hồi chức năng*: Tốt nghiệp Cao đẳng Vật lý trị liệu, Cao đẳng Phục hồi chức năng, Cao đẳng Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

Hồ sơ xét tuyển

2.6.1. Đơn xin dự tuyển có xác nhận của cơ quan nơi thí sinh đang làm việc.

2.6.2. Phiếu đăng ký dự thi có xác nhận đồng ý cho dự tuyển và theo học của cơ quan nơi thí sinh đang làm việc hay cơ quan quản lý y tế từ cấp Sở y tế hoặc tương đương trở lên. (Phiếu này được dán ở ngoài bì “**HỒ SƠ**”)

2.6.3. Bản sao các giấy tờ liên quan tới quá trình học:

- Bằng tốt nghiệp Cao đẳng (và Trung cấp) , chứng chỉ (nếu có)

- Bảng điểm các môn học trong chương trình đào tạo Cao đẳng và (bổ sung kiến thức một số học phần chuyên ngành, Trung cấp nếu có) chuyên ngành phù hợp;

- Bằng tốt nghiệp và học bạ THPT hoặc bổ túc văn hoá tương đương;

2.6.4. Bản sao giấy khai sinh, hộ khẩu, chứng minh thư (Thẻ căn cước).

2.6.5. Bản sao các hợp đồng lao động hoặc quyết định tiếp nhận.

2.6.6. Giấy khám sức khỏe (theo Thông tư 14/2013/TT-BYT).

2.6.7. Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).

2.6.8. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan đang làm việc.

2.6.9. 04 ảnh mới chụp không quá 6 tháng cỡ 4x 6 cm (01 dán vào phiếu đăng ký dự thi, đóng dấu giáp lai) có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh.

2.6.10. Bản sao “Chứng chỉ hành nghề”

2.6.11. Hai phong bì có dán tem và ghi tên, địa chỉ khi cần báo tin của thí sinh.

Các loại giấy tờ được ghim theo thứ tự trên và đựng trong túi hồ sơ và nộp tại phòng Quản lý Đào tạo trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương (bản sao phải công chứng). Các hồ sơ không đủ thủ tục giấy tờ trên sẽ không được hội đồng tuyển sinh xét duyệt. Hồ sơ và lệ phí dự tuyển không hoàn lại.

2.7. *Tổ chức tuyển sinh*:

- Thời gian nhận hồ sơ: Trước 17 giờ 00 ngày 31/7/2020.

Phòng Quản lý Đào tạo (Phòng 104) - Nhà điều hành

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

Số 1 - Đường Vũ Hựu – Thành phố Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: (0220) 3891.788

Fax: 0220.3891.897

Email: hmtu@hmtu.edu.vn Website: www.hmtu.edu.vn

Mọi thông tin chi tiết về tuyển sinh và các thông báo liên quan đến tuyển sinh đại học liên thông hình thức vừa làm vừa học từ trình độ Cao đẳng năm 2020 được đăng tải trực tiếp trên trang Website của Trường.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp dựa vào tổng điểm:

(Kiến thức cơ bản + Kiến thức cơ sở ngành + Kiến thức chuyên ngành + UT) đến khi hết chỉ tiêu.

2.8. Chính sách ưu tiên:

*) Ưu tiên về khu vực: Khu vực dự thi của mỗi thí sinh được xác định dựa vào địa chỉ cơ quan nơi thí sinh đang làm việc và Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

*) Ưu tiên về chính sách: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

2.9. Lệ phí xét tuyển: 60.000 đồng/ hồ sơ

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên

Theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021

Nhà Trường thông báo mức thu học phí của sinh viên hệ liên thông theo quy định của chính phủ năm học 2020 – 2021 là: 2.145.000đồng/tháng (Học phí theo tín chỉ khoảng 560.000 đồng/tín chỉ).

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

Cán bộ kê khai

Họ và tên: Nguyễn Kiều Hưng

Điện thoại: 0220.3891.788

Di động: 0868.651156

Email: tuyensinh@hmtu.edu.vn

Hải Dương, ngày 29 tháng 5 năm 2020



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG 21
Nguyễn Thành Hưng